MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIŨA KỲ II-MÔN LỊCH SỬ 12

NĂM HỌC: 2024-2025

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/ chủ đề | Nội dung/ đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức  TNKQ | | | | | | Tổng  %  điểm |
| Nhận Biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | |  |
| TNKQ | ĐS | TNKQ | ĐS | TNKQ | ĐS |  |
| 1 | **.CHỦ ĐỀ 3: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**  **(TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)** | **Bài 7. KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP 1945-1954** | 3 | 1 | 2 | 1 | 1 | 2 | 70% |
| Bài 8. **KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ 1954-1975** | 3 | 1 | 2 | 1 | 1 | 2 |
| Bài 9. DẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC SAU 1975. | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 |
| 2 | **Chủ đề 4:**  **CÔNG CUỘC ĐỐI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY** | Bài 10. KHÁI QUÁT CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ 1986-NAY | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 30% |
| BÁI 11 :THÀNH TỰU CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ 1986-NAY | 2 |  | 1 |  | 1 |  |
| Tổng | | | 12 | 4 | 7 | 4 | 5 | 8 | 40 |
| Tỉ lệ % | | | 40% | | 27,5% | | 32,5% | | 100% |

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIŨA HK II-LỊCH SỬ 12

BÀI : 7-8 KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP-CHỐNG MĨ

***I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn***

**Câu 1.** Một trong những bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là

A. quan hệ giữa hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa ngày càng hoà dịu và chuyển sang hợp tác.

B. phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc phát triển mạnh mẽ.

C. trên thế giới, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta nhanh chóng xói mòn.

D. nước Pháp ngày càng cùng cổ thành công địa vị cường quốc toàn cầu.

**Câu 2**. Những yếu tố nào sau đây có tác động to lớn đến tỉnh hình Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp?

A. Sự thiết lập của trật tự thế giới đa cực, sự chi phối của Mỹ.

B. Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta, Chiến tranh lạnh.

C. Tình trạng chạy đua vũ trang giữa các nước, trật tự đơn cực.

D. Sự thiết lập Trật tự Vớc-xai - Oa-sinh-tơn, Chiến tranh lạnh.

**Câu 3.** Đường lối kháng chiến của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp là

A. tranh thủ sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ. B. trường kì kháng chiến nhất định thắng lợi.

C. tự lực, toàn dân, toàn diện, lâu dài, từng bước tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

D. toàn dân, toàn diện, trưởng kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

**Câu 4.** Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 thắng lợi đã

A. xoay đổi toàn bộ cục diện của cuộc kháng chiến chống Pháp.

B. tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân Pháp tấn công lên Việt Bắc.

C. đây quân Pháp ở Đông Dương vào thế bị động trên những chiến trường chỉnh.

D. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh, thẳng nhanh" của thực dân Pháp.

**Câu 5**. Chiến dịch nào sau đây được mở nhằm khai thông biên giới Việt – Trung

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947. B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

C. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950. D. Chiến dịch Hoàng Hoa Thám năm 1951.

**Câu 6**. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 11 của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1951 đã quyết định

A. đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam.

B. đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. mở cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1952-1953.

D. thành lập Liên minh nhân dân Việt – Xiêm – Lào.

**Câu 7.** Sự kiện nào sau đây gắn liền với việc xây đựng khối đoàn kết dân tộc trong kháng chiến chống Pháp?

A. Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Liên Việt.

B. Mặt trận Liên Việt và Mặt trận Việt Mình hợp nhất thành Hội Liên Việt.

C. Hội Liên Việt và Mặt trận Việt Minh thống nhất thành Mặt trận Việt Minh.

D. Hội Liên Việt và Mặt trận Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Việt Minh.

**Câu 8.** Sự kiện nào sau đây trong kháng chiến chống Pháp cho thấy mối quan hệ đoàn kết chiến đấu của Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia được cùng cố và tăng cường?

A. Liên minh kinh tế - văn hoá Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.

B. Liên minh ngoại giao Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.

C. Liên minh nhân dân Việt - Xiêm - Lào được thành lập.

D. Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập.

**Câu 9.** Trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, từ năm 1950 đến tháng 7-1954 Chính phủ Pháp đã nhận viện trợ của nước nào?

A. Anh. B. Nhật C. Mỹ. D. Đức.

**Câu 10.** Trong thời kỳ 1945-1954, quân đội và nhân dân Việt Nam đã mở chiến dịch nào để tiêu diệt một tập đoàn cứ điểm của thực dân Pháp ở Đông Dương?

A. Việt Bắc. B. Thượng Lào. C. Điện Biên Phủ. D. Biên giới.

**Câu 11.** Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (tháng 2 - 1951) quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai ở Việt Nam với tên gọi

A. Đảng Dân chủ Việt Nam. B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Dân chủ Đông Dương. D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 12.** Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 của quân dân Việt Nam đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch nào sau đây của thực dân Pháp?

**A.** Rơve. **B.** Bôlae. **C.** Đờ Lát đơ Tátxinhi. **D.** Nava.

**Câu 13.** Từ năm 1965 đến năm 1968, Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?  
A. Việt Nam hóa chiến tranh. B. Đông Dương hóa chiến tranh.

C. Chiến tranh cục bộ. D.Chiến tranh đặc biệt.

**Câu 14.** Chiến thắng nào dưới đây khẳng định quân dân miền Nam Việt Nam có khả năng đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mỹ?

A. An Lão (Bình Định). B. Ba Gia (Quảng Ngãi),

C.Bình Giã (Bà Rịa). D.Ấp Bắc (Mĩ Tho).

**Câu 15.** Chiến thắng nào của quân dân miền Nam Việt Nam trong đông-xuân 1964 -1965 góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ?

A. Vạn Tường (Quảng Ngãi). B.Núi Thành (Quảng Nam).

C.Bình Giã (Bà Rịa). D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

**Câu 16.** Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 7 - 1973) chủ trương đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên cả ba mặt trận

A. quân sự, kinh tế, ngoại giao. B. quân sự, ngoại giao, văn hóa.

C. quân sự, chính trị, ngoại giao. D. chính trị, kinh tế, văn hóa.

**Câu 17.** Thắng lợi của chiến dịch nào đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam sang giai đoạn tổng tiến công chiến lược để giải phóng hoàn toàn miền Nam?

A. Huế - Đà Nẵng. B. Đường số 14 - Phước Long.

C. Tây Nguyên. D. Đường 9 - Nam Lào.

**Câu 18.** Trong khoảng thời gian từ năm 1975 đến năm 1979, **cuộc chiến** đấu ở biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

**A.** Đánh đổ phát xít. **B.** Giải phóng dân tộc.

**C.** Đánh đổ tư sản. **D.** Bảo vệ Tổ quốc.

**Câu 19.** Nội dung phản ánh **không** đúng tình hình của mối quan hệ Việt-Trung từ giữa năm 1975 là Trung Quốc

**A.** chấm dứt viện trợ kinh tế. **B.** rút các chuyên gia về nước.

**C.** xâm phạm khu vực biên giới. **D.** ủng hộ Việt Nam toàn diện.

**Câu 20.** Sau Đại thắng mùa xuân 1975, Hoàng Sa và Trường Sa do quốc gia nào sau đây quản lý?

**A.** Việt Nam. **B.** Trung Quốc.

**C.** Liên Xô. **D.** Triều Tiên.

**HIỂU**

**Câu 1.** Điểm chung về mục đích của thực dân Pháp khi đề ra kế hoạch Rơve và kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam (1945-1954) là

A. chuẩn bị tiến công lên Việt Bắc. B. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

C. giành quyền chủ động chiến lược. D. khóa chặt biên giới Việt-Trung

**Câu 2.** Nội dung nào sau đây **không** thuộc kế hoạch Nava của thực dân Pháp tiến hành ở Đông Dương trong những năm 1953-1954?

A. Tập trung binh lực.

B. Xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh.

C. Thiết lập chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

D. Mở rộng ngụy quân.

**Câu 3.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 của Việt Nam?

A. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương.

B. Đánh thắng chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mĩ.

C. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp.

D. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

**Câu 4.** Nội dung nào sau đây **không** phải là mục đích của Việt Nam khi mở chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950?

A. Làm phá sản chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

B. Khai thông đường sang Trung Quốc và các nước trên thế giới

C. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực quân Pháp.

D. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

**Câu 5.** Nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954-1975) là

A. hậu phương miền Bắc được xây dựng vững chắc.

B. tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.

C.sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

D.sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 6**. Thắng lợi nào dưới đây có tác dụng củng cố quyết tâm của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam trong việc đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976?

A. Trận “Điện Biên Phủ trên không” (1972).

B. Hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết (1-1973).

C. Chiến dịch Đường 14-Phước Long (1974-1975).

D. Chiến dịch Tây Nguyên (3-1975).

**Câu 7.** Cơ sở pháp lý để Việt Nam bảo vệ chủ quyền biển đảo và phát triển kinh tế biển là

**A.** Luật biển Việt Nam. **B.** Tuyên bố Băng-Cốc.

**C.** Hiến chương ASEAN. **D.** Tầm nhìn ASEAN 2025.

**Câu 8.** Việc khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước sẽ góp phần

A. tạo nên động lực to lớn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

B. tạo ra mục tiêu về chính trị, xã hội của các tổ chức, đoàn thể trong xã hội hiện tại.

C. đưa đến sự hình thành nhiều tổ chức mặt trận dân tộc có phạm vi rộng rãi.

D. đưa đến sự phát triển nhanh chóng về sức mạnh giai cấp và thời đại.

**Câu 9.** Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay, khối đại đoàn kết dân tộc đóng vai trò

A. là động lực phấn đấu của mỗi cá nhân.

B. là mục tiêu chiến lược của các chiến dịch.

C. là nền tảng tạo nên sức mạnh tổng hợp.

D. là động lực chủ yếu của các tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội.

**Câu 10.** Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 của quân dân Việt Nam không đơn thuần là hoạt động quân sự mà còn mang một ý nghĩa rộng lớn hơn về

A. kinh tế - văn hoá. B. văn hóa - tư tưởng.

C. chính trị - ngoại giao. D. an ninh - quốc phòng.

**Câu 11.** Bản chất cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1945-1954) là

A. cuộc đấu tranh giành quyền tự do dân chủ.

B. cuộc cách mạng vô sản điển hình trên thế giới.

C. sự kế tục nhiệm vụ của Cách mạng tháng Tám.

D. cuộc đấu tranh lựa chọn khuynh hướng phát triển.

**Câu 12.** Thắng lợi của quân dân Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 đã

A. chấm dứt hoàn toàn sự thống trị của chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam.

B. chấm dứt hoàn toàn tình trạng chia cắt đất nước kéo dài từ năm 1858.

C. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

D. làm cho hy vọng kết thúc chiến tranh “trong danh dự” của Pháp sụp đổ.

**Câu 13.** Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, từ năm 1961, cách mạng miền Nam Việt Nam chuyển sang thời kỳ tiến hành

A. đấu tranh chính trị. B. khởi nghĩa vũ trang.

C. đấu tranh ngoại giao. D. chiến tranh giải phóng.

**Câu 14.** Trong những năm 1961 - 1965, Mỹ thực hiện thủ đoạn “Dùng người Việt đánh người Việt" nhằm mục đích nào?

A. Rút dần quân Mỹ, quân đồng minh về nước.

B. Tận dụng “xương máu" của người Việt Nam.

C. Giảm xương máu của quân đội Mỹ tại chỗ.

D. Thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh".

**VẬN DỤNG**

**Câu 1.** Trong cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954, quân đội và nhân dân Việt Nam thực hiện kế sách gì để đối phó với kế hoạch Nava?

A. Lừa địch để đánh địch. B. Đánh điểm, diệt viện.

C. Đánh vận động và công kiên. D. Điều địch để đánh địch.

**Câu 2.** Quá trình kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam có điểm gì khác nhau?

A. Kết hợp giữa sức mạnh truyền thống của dân tộc với sức mạnh hiện tại.

B. Huy động mọi nguồn lực để tạo nên sức mạnh giành thắng lợi.

C. Cách thức kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

D. Lấy đấu tranh quân sự làm yếu tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh.

**Câu 3.** Ở Việt Nam, căn cứ địa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hậu phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đều là nơi

A. tiếp nhận viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa.

B. cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến

C. đứng chân của lực lượng vũ trang ba thứ quân.

D. giải quyết vấn đề tiềm lực của cách mạng.

**Câu 4.** Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp (1945-1954), kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi có điểm khác biệt nào sau đây so với kế hoạch Rơve?

A. Diễn ra trong bối cảnh quan hệ quốc tế căng thẳng do cuộc đối đầu Đông-Tây.

B. Được đề ra khi Pháp bước đầu mất thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính.

C. Được triển khai với nguồn viện trợ quân sự và viện trợ kinh tế của Mĩ.

D. Có mục tiêu giành thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh.

**Câu 5**. Nhận xét nào dưới đây về cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là **không** đúng?

A. Đây là cuộc cách mạng có tính chất nhân dân sâu sắc.

B. Đây là cuộc cách mạng có tính chất dân tộc điển hình.

C**.** Đây là cuộc cách mạng có tính chất dân chủ điển hình.

D.Đây là cuộc cách mạng có tính chất bạo lực rõ nét.

**Câu 6.** Nét tương đồng về nghệ thuật quân sự của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là gì?

A. Chia cắt, từng bước đánh chiếm các cơ quan đầu não của đối phương.

B. Tập trung lực lượng, bao vây, tổ chức tiến công hợp đồng binh chủng.

C. Từng bước xiết chặt vòng vây, kết hợp đánh tiêu diệt và đánh tiêu hao.

D. Bao vây, đánh lấn, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng.

**Câu 7.** Một trong những điểm tương đồng của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945-1975) ở Việt Nam là

A. có sự sáng tạo trong phương thức sử dụng lực lượng.

B. có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

C. lực lượng vũ trang giữ vai trò quyết định thắng lợi.

D. lực lượng chính trị giữ vai trò quyết định thắng lợi.

**Câu 8.** Thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) chứng tỏ kết quả đấu tranh ngoại giao

A. không thể góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng trên chiến trường.

B. luôn phụ thuộc vào quan hệ và sự dàn xếp giữa các cường quốc.

C. chỉ phản ánh kết quả của đấu tranh chính trị và quân sự.

D. phụ thuộc vào tương quan lực lượng trến chiến trường.

**Câu 9.** Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954-1975) và cuộc vận động giải phóng dân tộc (1939-1945) ở Việt Nam có điểm giống nhau nào sau đây?

A. Từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên chiến tranh cách mạng.

B. Là các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

C. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa hậu phương và tiền tuyến.

D. Mang tính chất cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

**Câu 10.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở Việt Nam?

A. Buộc Mĩ phải quay lại đàm phán ở Pari để bàn về việc chấm dứt chiến tranh.

B. Mở ra khả năng sớm kết thúc chiến tranh thông qua con đường đàm phán.

C. Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

D. Chứng tỏ lực lượng vũ trang phát triển vượt bậc thay thế lực lượng chính trị.

**II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI**

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thẳng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi vẻ vang của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới".

(Hồ Chí Minh, *Ba mươi năm hoạt động của Đảng*, trích trong: *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.410)

A. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa to lớn.

B. Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa đã tiêu diệt toàn bộ quân đội thực dân.

C. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam cho thấy sức mạnh của một nước thuộc địa.

D. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chính thức đánh đổ chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

**Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:**

“Chiến dịch Điện Biên Phủ được diễn ra thành 3 đợt: đợt 1, bắt đầu từ 13-3, đợt 2, bắt đầu ngày 30-3, đợt 3, bắt đầu từ ngày 1-5 và đến ngày 7-5-1954 thì kết thúc [...] Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc oanh liệt cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 của quân và dân Việt Nam, đánh bại kế hoạch quân sự Na-va làm sụp đổ niềm hi vọng của các giới quân sự và chính trị ở Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo cơ sở cho cuộc đầu tranh ngoại giao thắng lợi ở Giơ-ne-vơ".

(Lê Mậu Hãn (Chủ biên), Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập III, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr.120-121)

a) Chiến thắng Điện Biên Phủ đã tạo cơ sở cho việc đàm phán và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (1954).

b) Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ và can thiệp Pháp của nhân dân Việt Nam.

c) Nhân dân Việt Nam muốn giành được thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thì cần phải có thắng lợi quyết định trên mặt trận quân sự.

d) Đoạn tư liệu trên đề cập đến diễn biến và ý nghĩa của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 của quân dân Việt Nam.

**Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:**

[Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)] “Thắng lợi của chiến dịch Huế-Đà Nẵng có ý nghĩa chiến lược vô cùng quan trọng. Nối tiếp chiến dịch Tây Nguyên, chiến thắng của ta trên mặt trận Huế-Đà Nẵng đẩy địch vào thế tuyệt vọng, tạo điều kiện trực tiếp cho lực lượng cách mạng miền Nam áp đảo địch... Quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, lực lượng ta chuẩn bị khẩn trương để mở trận quyết chiến chiến lược cuối cùng".

(Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), Tiến trình lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr.362)

a) Cụm từ “trận quyết chiến chiến lược cuối cùng" trong đoạn trích là để chỉ chiến dịch Hồ Chí Minh.

b) Chiến dịch Huế-Đà Nẵng và chiến dịch Tây Nguyên nằm trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 của quân dân miền Nam.

c) Chiến dịch Huế-Đà Nẵng và chiến dịch Tây Nguyên đã tạo thêm thế và lực để quân dân miền Nam thực hiện mục tiêu giải phóng hoàn toàn miền Nam.

d) Chiến dịch Huế-Đà Nẵng diễn ra trước khi quân dân miền Nam Việt Nam tiến hành chiến dịch Tây Nguyên.

**Câu 4. Cho đoạn tư liệu sau đây**

“Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Pháp là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố tạo thành. Thắng lợi của kháng chiến chống Pháp là thắng lợi của đường lối kháng chiến rất đúng đắn, sáng tạo do Đảng và Bác Hồ vạch ra. Đó là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, là đường lối quả cảm và thông minh của một dân tộc nhỏ đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo của một tên để quốc to lớn là thực dân Pháp".

(Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954, Tập II, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr.613-614)

a) Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chứng tỏ cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

b) Một trong những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là do tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam.

c) Tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân các nước Đông Nam Á chống thực dân Pháp, trước hết là nhân dân ba nước Đông Dương, đã góp phần to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

d) Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp là đường lối toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh và không cần đến sự giúp đỡ từ bên ngoài.

**Câu 5. Cho đoạn tư liệu sau đây:**

“Đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn do Ngô Đình Diệm đứng đầu đã trắng trợn phá bỏ Hiệp định Giơ-ne-vơ, thẳng tay đàn áp, khủng bố, mở các chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" bằng cái gọi là sức mạnh của Quân lực Cộng hoà... Để bảo vệ sinh mạng và quyền lợi cơ bản của mình, nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng không có con đường nào khác là phải đứng lên đánh đổ chế độ độc tài phát xít của Mĩ và tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thực hiện thông nhất nước nhà".

(Lê Mậu Hãn, Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2017, tr.294)

a) Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 ở Đông Dương, Pháp dụng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm cốt là để trì hoãn việc thống nhất đất nước ở Việt Nam.

b) Từ thực tiễn đất nước và sự phá hoại của Mĩ cùng chính quyền Ngô Đình Diệm, nếu chỉ sử dụng hình thức đấu tranh hòa bình sẽ không thể thống nhất đất nước.

c) Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh để hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

d) Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi đã hoàn thành sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, đồng thời mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam.

**Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"...Con đường phát triển cơ bản của Cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân... Con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân".

(Trích theo: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 36, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 82)

a) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1959) phản ánh sự linh hoạt của Đảng trong đề ra đường lối đấu tranh cho cách mạng miền Nam Việt Nam.

b) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1959) khẳng định phương thức sử dụng bạo lực cách mạng là kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang để giành chính quyền về tay nhân dân.

c) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1959) đưa cách mạng miền Nam chuyển từ khởi nghĩa từng phần sang Tổng tiến công chiến lược đồng loạt trên toàn miền Nam.

d) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1959) là một trong những nhân tố quyết định đưa tới thắng lợi của phong trào Đồng khởi và đánh dấu cách mạng miền Nam bước sang giai đoạn mới “vừa đánh, vừa đàm”.

**BÀI 9: ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4-1975 ĐẾN NAY.**

**MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC**

**TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

***I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn***

**Câu 1.** Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

A. Chiến tranh lạnh ở giai đoạn đỉnh cao, quan hệ Mỹ - Trung căng thẳng.

B. Xu thế đa cực đã xác lập, quan hệ Mỹ – Xô - Trung trở lại bình thường.

C. Chiến tranh lạnh kết thúc, quan hệ giữa các nước lớn có nhiều biến động và ngày càng phức tạp.

D. Xu thế hoà hoãn Đông – Tây tiếp tục diễn ra, quan hệ giữa các nước lớn có nhiều yếu tố phức tạp.

**Câu 2.** Cuối năm 1978, Pôn Pốt đã huy động nhiều sư đoàn bộ binh

A. tiến đánh Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam

B. tiến đánh Tây Nguyên, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam.

C. đánh chiếm đảo Phú Quốc, đảo Hòn Mê thuộc lãnh thổ Việt Nam.

D. đánh chiếm đảo Thổ Chu và khu vực Đông Nam Bộ Việt Nam.

**Câu 3.** Quân đội nhân dân Việt Nam đã hành động như thế nào trước cuộc tấn công của quân Pôn Pốt cuối năm 1978?

A. Mở các cuộc phản công và dừng lại ở biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia.

B. Tổ chức phản công, đánh bật lực lượng Pôn Pốt ra khỏi lãnh thổ.

C. Đàm phán ngoại giao, lên án hành động xâm lược của Pôn Pốt.

D. Tích cực đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao.

**Câu 4.** Sự kiện nào sau đây diễn ra vào ngày 17-2-1979?

A. Trung Quốc lấn chiếm nhiều vùng đất đai ở khu vực biên giới phía đông bắc của Việt Nam.

B. Trung Quốc điều động 23 sư đoàn cùng pháo binh, xe tăng, máy bay, tấn công vào lãnh thổ Việt Nam.

C. Trung Quốc điều động 32 sư đoàn đồng loạt tấn công vào lãnh thổ Việt Nam, dọc biên giới phía Bắc

D. Trung Quốc huy động quân đội tấn công dọc biên giới Việt Nam từ Hải Phòng đến Lai Châu.

**Câu 5.** Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979-1989)?

A. Nhiều trận chiến đã diễn ra quyết liệt ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai,...

B. Toàn bộ lực lượng quân đội chính quy được huy động lên biên giới.

C. Dư luận trong nước phản đối mạnh mẽ hành động xâm lược của Trung Quốc

D. Quân dân sâu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu.

**Câu 6.** Khi quân đội Trung Quốc tấn công lãnh thổ Việt Nam năm 1979, nhiều trận chiến đã diễn ra quyết liệt ở

A. Cao Bằng, Bắc Cạn, Điện Biên. **B.** Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai.

C. Lào Cai, Quảng Ninh, Hải Phòng. D. Lào Cai, Lạng Sơn, Sơn La.

**Câu 7.** Trong giai đoạn 1984 - 1989, địa bàn nào sau đây tiếp tục là chiến trường ác liệt giữa quân đội Việt Nam và Trung Quốc?

A. Khu vực huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

B. Một số huyện ở các tỉnh Lào Cai, Điện Biên.

C. Khu vực biên giới thuộc huyện Vị Xuyên, tỉnh Cao Bằng.

D. Khu vực biên giới thuộc huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

**Câu 8.** Trong quá trình bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông, Việt Nam đã luôn kiên định con đường

A. bảo vệ vững chắc chủ quyền và lợi ích khu vực.

B. đấu tranh bằng mọi biện pháp, không đàm phán.

C. đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với luật pháp quốc tế.

D. bảo vệ hoà bình, phù hợp với luật pháp khu vực và quốc tế,

**Câu 9.** Việt Nam đã làm gì khi Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương-981 đến hoạt động trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam năm 2014?

A. Kêu gọi Trung Quốc và các nước trong khu vực kiềm chế, tiến đến đàm phán ngoại giao.

B. Kêu gọi Trung Quốc tôn trọng luật pháp khu vực và quốc tế, đẩy mạnh đấu tranh quân sự.

C. Tăng cường lực lượng trên toàn Biển Đông, khiến quân đội Trung Quốc chịu nhiều thiệt hại.

D. Tăng cường lực lượng tại khu vực đặc quyền kinh tế, đồng thời tích cực đấu tranh ngoại giao.

**Câu 10.** Nội dung nào sau đây là ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay?

A. Tạo điều kiện thuận lợi mở đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á.

B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

C. Góp phần bảo vệ hoà bình của tổ chức ASEAN và Cộng đồng ASEAN.

D. Thể hiện tinh thần đoàn kết chiến đấu của các nước Đông Dương.

**II. Trắc nghiệm Đúng/ Sai**

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:** “Từ giữa năm 1975, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trở nên căng thẳng. Sau đó, Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kỹ thuật, gây ra vấn đề người Hoa ở Việt Nam, khiêu khích xâm phạm biên giới phía Bắc của Việt Nam.

Sáng ngày 17/02/1979, Trung Quốc huy động 32 sư đoàn (60 vạn quân), tiến công sang toàn bộ sáu tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu). Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu. Nhiều trận chiến quyết liệt đã nổ ra ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai... đã làm thất bại mục tiêu đánh nhanh thắng nhanh của quân đội Trung Quốc." (SGK-KNTT Lịch sử 12,tr56).

a. Đưa quân tấn công biên giới phía Bắc Việt Nam của Trung Quốc là hành động xâm lược.

b. Nguyên nhân dẫn tới cuộc chiến tranh 1979 là do Việt Nam thực hiện đàn áp người Hoa.

c. Cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc chỉ diễn ra trong thời gian ngắn nhưng thiệt hại lớn.

d. Chiến tranh biên giới phía Bắc đã buộc Việt Nam chấp nhận đám phản với Trung Quốc.

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Giai đoạn 1 (từ ngày 30/4/1977 đến ngày 5/1/1978): Quân Pôn Pốt tấn công nhiều tuyến biên giới, tàn sát dân thường ... Cùng với việc tổ chức lực lượng vũ trang đánh lui quân địch, Đảng và Nhà nước Việt Nam nỗ lực hoạt động ngoại giao nhằm tìm kiếm giải pháp hòa bình. Giai đoạn 2 (từ ngày 6/1/1978 đến ngày 7/1/1979): Quân Pôn Pốt tiến hành xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam. Ngày 22/12/1978, quân Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tấn công quy mô lớn vào Tây Ninh. Thực hiện quyền tự vệ chính đảng, quân dân Việt Nam mở cuộc tổng phản công, làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực đối phương. Theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt Nam cũng quân dân Cam-pu-chia đánh chính quyền Pol Pot. Ngày 7/1/1979, thủ đô Phnom Penh (Campuchia)được hoàn toàn giải phóng." (SGK-KNTT Lịch sử 12,trang 55).

a. Tư liệu trên nói về cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam của Việt Nam.

b. Cuộc chiến đấu chống Pôn Pốt của Việt Nam được thế giới hết sức ủng hộ.

c. Quân dân Việt Nam góp phần quyết định để giải phóng nhân dân Cam-pu-chia

d. Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam đã bảo vệ vững chắc biên giới.

**Bài 10: KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY**

***I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn***

**Câu 1.**Đại hội nào của Đảng Cộng sản Việt Nam mở đầu cho công cuộc đổi mới đất nước?

A. Đại hội V (1982). B. Đại hội VI (1986).

C. Đại hội VII (1991). D. Đại hội VIII (1996).

**Câu 2**. Nội dung cơ bản đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam giai đoạn 1986 -1995 là toàn diện và đồng bộ, trọng tâm nhất trên lĩnh vực

A.Chính trị. B.Kinh tế. C.Văn hóa. D.Xã hội.

**Câu 3**. Về kinh tế giai đoạn 1986 – 1995,Đảng cộng sản Việt Nam chủ trương

A. Xây dựng kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp. B. Đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị.

C. Phát triển kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa. D. Phát triển kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa.

**Câu 4**. Về chính trị giai đoạn 1986 – 1995, một trong những chủ trương của Đảng cộng sản Việt Nam xác định

A. Nâng cao hiệu quả của nền kinh tế - xã hội. B. Xây dựng con người hiện đại mới.

C. phát huy quyền làm chủ của nhân dân. D. phát huy quyền lực của nền kinh tế cá thể.

**Câu 5.** Ba chương trình kinh tế được đề ra trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1986-1995 là

A. Lương thực - Thực phẩm, Công nghiệp nhẹ và Thủy hải sản.

B. Lương thực - Thực phẩm, Công nghiệp nặng và Thủy hải sản.

C. Lương thực- Thực phẩm, Hàng tiêu dùng và Hàng xuất khẩu.

D. Lương thực - Thực phẩm, Hàng tiêu dùng và sản xuất dày da.

**Câu 6**. Thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại được Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đầu tiên trong

A. Giai đoạn 1986 - 1995. B. Giai đoạn 1996 - 2006.

C. Giai đoạn 1975 - 1986. D. Giai đoạn 2006 đến nay.

**Câu 7**. Đại hội nào của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định Việt Nam chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?

A. Đại hội V (1982). B. Đại hội VI (1986).

C. Đại hội VII (1991). D. Đại hội VIII (1996).

**Câu 8**. Về kinh tế giai đoạn 1996 - 2006 , đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định

A. Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới.

B. Đổi mới chính trị phải được tiến hành tích cực và vững chắc.

C. Xây dựng và tổ chức thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn.

D. Chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

**Câu 9.** Về đối ngoại, giai đoạn 1996 - 2006 , đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định

A. công nghiệp hoá, hiện đại hoá. B. điện khí hoá toàn quốc.

C. tập thể hoá nông nghiệp. D. hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

**Câu 10**. Lần đầu tiên trong Nghị quyết số 04-NQ/TW Hội nghị lần thứ tư BCHTW Đảng (khoá VII, 1993) nhấn mạnh giáo dục và đào tạo là

A.quốc sách hàng đầu. B. quan trọng hàng đầu.

C. quyết định hàng đầu. D. mặt trận hàng đầu.

**Câu 11.**Về văn hóa giai đoạn 1996– 2006,Đảng cộng sản Việt Nam xác định

A. Đẩy mạnh cải cách các tổ chức và hoạt động của Nhà nước

B. Giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, xóa đói, giảm nghèo.

C. Xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

D. Đặt trọng tâm chủ trương “hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực”.

**Câu 12.**Về chính trị giai đoạn 1996 – 2006, Đảng cộng sản Việt Nam chủ trương

A.Cải cách các tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

B. Mở rộng giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, xóa đói, giảm nghèo.

B. Xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

D. Đặt trọng tâm chủ trương “hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực” .

**Câu 13**. Chủ trương đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển là nội dung của

A. Đại hội V (1982). B. Đại hội X (2006).

C. Đại hội VII (1991). D. Đại hội VIII (1996).

**Câu 14**. Chủ trương đổi mới về kinh tế giai đoạn 2006 đến nay của Đảng Cộng sản Việt Namlà

A. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển kinh tế tri thức.

B. Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

C. Thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực.

D. Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định.

**Câu 15**. Chủ trương đổi mới về chính trị giai đoạn 2006 đến nay của Đảng Cộng sản Việt Nam là

A. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển kinh tế tri thức.

B. Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

C. Thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực.

D. Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định.

**II. Trắc nghiệm Đúng/ Sai**

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lí của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"...".

(Nguyễn Phú Trọng, Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25-26)

a) Kinh tế thị trường là nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung.

b) Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu và tiên tiến trên thế giới.

c) Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lí của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

d) Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần hướng đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

**Bài 11: THÀNH TỰU CƠ BẢN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA**

**CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY**

***I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn***

**Câu 1.** Nội dung nào sau đây là thành tựu của đổi mới về chính trị ở Việt Nam (từ năm 1986)?

A. Thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng.

B. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được xây dựng.

C. Mở rộng quan hệ quốc phòng với nhiều nước.

D. Quy mô nền kinh tế không ngừng được mở rộng.

**Câu 2.** Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới về kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam giai đoạn 1996 – 2006 là

**A**. công nghiệp hoá, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

**B**. đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

**C**. bước đầu xoá bỏ cơ chế quản lí quan liêu và bao cấp

**D**. xây dựng nền kinh tế kế hoạch hoá, tập trung, bao cấp.

**Câu 3.** Một trong những nội dung của đường lối đổi mới đất nước (từ năm 2006 đến nay) là

**A**. chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng.

**B**. ngoại giao phá vây và nỗ lực bước đầu hội nhập kinh tế quốc tế.

**C**. đẩy mạnh công nghiệp hoá, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

**D**. đổi mới kinh tế phải đi sau đổi mới chính trị để tránh gây bất ổn.  
**Câu 4**. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đường lối đổi mới văn hóa ở Việt Nam trong những năm 1996 – 2006?

**A**. Xây dựng nền văn hoá với đặc điểm: dân tộc, khoa học, đại chúng.

**B**. Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

**C**. Xoá bỏ tàn dư phong kiến, lạc hậu trên lĩnh vực văn hoá, tư tưởng.

**D**. Học tập mô hình xây dựng văn hoá của các nước xã hội chủ nghĩa.  
**Câu 5.** Thành tựu lớn nhất của Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986) là  
A. tự túc được một phần lương thực, thực phẩm.  
B. trở thành nước xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới.  
C. trở thành nước xuất khẩu gạo lớn nhất Đông Nam Á.  
D. đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu.

**Câu 6.** Nhân tố quyết định thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986) là

A. biết nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức đưa đất nước tiến lên.

B. coi giáo dục và đào tạo, khoa học kĩ thuật là quốc sách hàng đầu.

C. đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. nắm bắt xu thế phát triển của thế giới và phát huy nội lực trong nước.

**Câu 7.** Nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ năm 1986) là

A. sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

C. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

D. không ngừng củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

**Câu 8. Ý nghĩa quan trọng nhất của những thành tựu Việt Nam đạt được trong công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986 đến nay) là gì?**

A. Đất nước thoát khỏi khủng hoảng, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

B. Vị thế, uy tín của Việt Nam không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế.

C. Việt Nam trở thành quốc gia đang phát triển của thế giới.

D. Củng cố vững chắc nền độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa.

**Câu 9.** Bài học kinh nghiệm cơ bản nào được rút ra cho Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình tổ chức và lãnh đạo cách mạng từ công cuộc đổi mới đất nước (từ tháng 12-1986)?

A. Nhạy bén trước sự chuyển biến của tình hình thế giới.

B. Bám sát tình hình thực tiễn để đề ra chủ trương phù hợp.

C. Quan tâm đến nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

D. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

**Câu 10.** Thực tiễn của công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986) đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay?

A. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

B. Dựa hoàn toàn vào nội lực để phát triển đất nước.

C. Đổi mới phải toàn diện nhưng trọng tâm là đổi mới chính trị.

D. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của giai cấp công nhân.

**II. Trắc nghiệm Đúng/ Sai**

**Câu 1.** Cho đoạn tư liệu sau đây:

*“Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm (2001 - 2005) là 7,51% và phát triển tương đối toàn diện. Văn hóa và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn kết kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt, nhất là trong công cuộc xóa đói giảm nghèo; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới...”*

(Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2006, tr. 14)  
a) Thành tựu nổi bật nhất của giai đoạn (2001-2005) là đã triệt để hoàn thành công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam   
b) Thành tựu trên nhiều lĩnh vực đã phản ánh đường lối đổi mới ở Việt Nam là đúng đắn, phù hợp   
c) Trong suốt quá trình đổi mới, tốc độ tăng trưởng khá cao theo từng năm đã thay đổi diện mạo đất nước.   
d) Thành tựu có được do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành và triển khai trong thực tiễn.

HẾT